TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 -11 - 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Nghiêm

2. Ông Nguyễn Quốc Trường

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Công Chung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1970, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1968, có mặt.

Địa chỉ: Số * ngõ * đường B, khu T, thị trấn H, huyên H, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2019, bản tự khai, các biên bản trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Bà và ông Bùi Văn P đăng ký kết hôn ngày 08/02/1993 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hai vợ chồng công tác trong quân đội nên thời gian ở gần nhau không nhiều. Từ tháng

02/2004 ông Bùi Văn P chuyển về công tác tại Hà Nội, năm 2007 ông Bùi Văn P bắt đầu có dấu hiệu nợ nần cầm cố tài sản của bản thân và xe mô tô của vợ, năm 2008 bắt đầu xuất hiện nhiều người mang giấy nợ đến nhà đòi nợ ông Bùi Văn P, bà đã phải vay tiền để trả nợ cho ông P, còn ông P không có trách nhiệm trả nợ, không góp tiền nuôi con và xây dựng gia đình, những lần đề cập đến việc trả nợ và nuôi con là ông Bùi Văn P không hợp tác, bà đã tự nuôi hai con và lo trả nợ thay cho ông Bùi Văn P, từ đó dẫn đến các con và bà bị khủng hoảng về cả tinh thần và vật chất, nhiều lúc bà và các con phải đưa nhau đi trốn nợ. Ngoài ra ông P còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 người con chung là Bùi Thanh S, sinh năm 1993 và Bùi Thanh H, sinh ngày 19/5/2003. Cháu Bùi Thanh S hiện đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, còn cháu Bùi Thanh H, bà yêu cầu được nuôi và không yêu cầu ông Bùi Văn P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Văn P đã được Tòa án thông báo và triệu tập tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, ông P có mặt và khai: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như bà K trình bày là đúng nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như bà K khai có phần đúng, phần không. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà K là mâu thuẫn về kinh tế, khiến bà K phải vay mượn tiền về trả nợ cho ông là đúng, còn việc bà K khai ông có quan hệ với người phụ nữ khác là không đúng và thời gian sống chung bà K chưa làm đúng trách nhiệm của người con dâu với mẹ chồng, hơn nữa vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 chứ không phải năm 2016 như bà K đã khai, từ đó đến nay vợ chồng ông không còn quan tâm đến nhau nhưng nay bà K yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì các lý do: mẹ đẻ ông vừa mất chưa được 49 ngày, khoản nợ của ông hiện chưa trả nợ xong và các con chưa trưởng thành, ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác.

Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Thanh S, sinh năm 1993 và Bùi Thanh H, sinh ngày 19/5/2003. Ông đồng ý để bà K nuôi con chung là Bùi Thanh H, ông sẽ tự có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình, còn cháu Bùi Thanh S đã trưởng thành nên do cháu tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng là không có, khoản nợ riêng ông sẽ tự có trách nhiệm trả, không liên quan đến hai vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn ông Bùi Văn P vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do không tiến hành hoà giải được nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung; bị đơn ông Bùi Văn P không đồng ý ly hôn, đồng ý để bà K nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật và đề xuất hướng giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian

chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử đều đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc tuân theo pháp luật của đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông ông Bùi Văn P; về con chung: Giao con chung là Bùi Thanh H cho bà Nguyễn Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bùi Thanh H đủ 18 tuổi, ông Bùi Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà K không yêu cầu, ông P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn P cư trú tại số * ngõ * đường B, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"; bị đơn ông P có hộ khẩu thường trú tại khu T, thị trấn H, huyện H, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Bùi Văn P kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào tháng 02/1993 theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 08/02/1993 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp, do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị K với ông Bùi Văn P là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn mà bà K đưa ra, thấy rằng: Quá trình chung sống giữa bà K và ông P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bản thân ông P cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng có phần là do ông mắc nợ khiến bà K phải vay tiền trả nợ cho ông và ông cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay không còn quan tâm đến nhau, tuy nhiên ông P không đồng ý ly hôn với các lý do như *"mẹ đẻ ông vừa mất chưa được 49 ngày, khoản nợ của ông hiện chưa trả nợ xong và các con chưa trưởng thành"*, những lý do như ông P đưa ra là không phù hợp với quy định của pháp luật, không thể hiện việc ông P mong muốn đoàn tụ, mà chỉ thể hiện mâu thuẫn giữa ông và bà K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị K cho bà K được ly hôn với ông Bùi Văn P.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị K và ông P có 02 người con chung là Bùi Thanh S, sinh năm 1993 và Bùi Thanh H, sinh ngày 19/5/2003. Cháu Bùi Thanh S hiện đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét. Còn đối với cháu Bùi Thanh H: bà Nguyễn Thị K yêu cầu được nuôi, ông Bùi Văn P cũng đồng ý. Xét việc tự thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện và cũng phù hợp với ý kiến nguyện vọng của cháu Bùi Thanh H là muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, nên chấp nhận giao cháu Bùi Thanh H cho bà Nguyễn Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Bùi Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà K không yêu cầu và ông P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung Ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để sung Ngân sách nhà nước.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Bùi Văn P. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 08/02/1993 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp).*

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 19/5/2003 cho bà Nguyễn Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Bùi Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà K không yêu cầu. Ông Bùi Văn P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA /2016/0000123 ngày

23/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng , tỉnh Lạng Sơn, nay bà Nguyễn Thị K không phải nộp tiếp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H..Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- UBND xã*Cương Sơn, H.Lục Nam, T.Bắc Giang*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Thanh